

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2017/HSST
Ngày: 11-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hà Bắc.

2. Ông Vũ Xuân Trường.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Cao Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa:
Ông Cao Thanh Khang - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 11 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2017/HSST ngày 11 tháng 8 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2017/HSST-QĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: Cao Xuân H.

Sinh năm 1958.

Nơi sinh: Tổ dân phố L, thị trấn Q, huyện G, tỉnh N.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố L, thị trấn Q, huyện G, tỉnh N.

Nơi cư trú: Ki ốt 86, khu du lịch Q1, thị trấn Q, huyện G, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 4/10; Con ông: Cao Xuân R (tức Cao Xuân D) và bà: Đặng Thị R (đã chết); Vợ là Nguyễn Thị N; Bị cáo có 03 con (Lớn nhất sinh năm 1984; nhỏ nhất sinh năm 1994).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03-6-2017 đến ngày 20-6-2017 được tại ngoại tại địa phương, chấp hành Quyết định cho bảo lãnh số: 02 ngày 20-6-2017. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn H; sinh năm 1997.

Địa chỉ: Xóm 8, xã L, huyện G, tỉnh N.

Người làm chứng:

- Anh Phan Văn H; sinh năm 1992;

Địa chỉ: Xóm 3, xã H, huyện G, tỉnh N.

- Chị Mã Thị H; sinh năm 1993;
- Chị Phạm Thị H; sinh năm 1983.

Đều có địa chỉ: Kí ốt số 104, khu du lịch Q1, thị trấn Q, huyện G, tỉnh N.

- Chị Ngô Thị L; sinh năm 1993 ;
- Chị Mai Thị T; sinh năm 1969

Đều có địa chỉ: Kí ốt số 68, khu du lịch Q1, thị trấn Q, huyện G, tỉnh N.

- Bà Nguyễn Thị N; sinh năm 1960:

Địa chỉ: Kí ốt số 86, khu du lịch Q1, thị trấn Q, huyện G, tỉnh N.

- Ông Nguyễn Văn M; sinh năm 1963:

Địa chỉ: Kí ốt số 96, khu du lịch Q1, thị trấn Q, huyện G, tỉnh N.

- Ông Trần Văn V; sinh năm 1966:

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Q, huyện G, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Có mặt bà N; Vắng mặt anh H, anh H, chị H, chị H, chị L, chị T, ông M, ông V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 03-6-2017 Nguyễn Văn H cùng Phan Văn H đến kí ốt số 86 khu du lịch Q1, thị trấn Q huyện G do Cao Xuân H quản lý (Kí ốt số 86 do vợ chồng H thuê để kinh doanh) mục đích để mua sâm. Trong lúc uống nước tại kí ốt số 86, H đặt vấn đề với H bố trí cho hai gái bán sâm để H và H mua sâm, H đồng ý và thỏa thuận với H là 200.000 đồng một lượt mua sâm và khi xong sẽ thanh toán. Sau đó H dùng điện thoại bàn của kí ốt gọi điện đến điện thoại bàn của kí ốt 68 và kí ốt số 104, khu du lịch Q thì có Ngô Thị L là nhân viên giúp việc của kí ốt 68 và Mã Thị H là nhân viên giúp việc của kí ốt 104 nghe máy. H nói với L và H cho mượn một nhân viên sang kí ốt 86. L và H hiểu ý H gọi gái để bán sâm nên L và H đồng ý đến kí ốt 86 để bán sâm. H bố trí cho L và H vào phòng 103, H và H vào phòng 101 để mua bán sâm. Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc Nguyễn Văn H và Mã Thị H, Phan Văn và Ngô Thị L đang mua bán sâm trong phòng 101 và 103 của kí ốt 86 thì bị tổ công tác của Đoàn Công an Q phát hiện lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm pháp quả tang. Thu giữ tại phòng số 101 và 103 của kí ốt số 86: hai vỏ bao cao su nhãn hiệu doctor, hai ruột bao cao su đã qua sử dụng. Ngoài ra thu giữ của Nguyễn Văn H số tiền 400.000 đồng. H khai nhận đó là tiền dùng để trả tiền mua sâm của H và H cho H.

Bản cáo trạng số 64/CT - VKS ngày 10-8-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy truy tố bị cáo Cao Xuân H về tội “Chứa mại sâm” theo khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy luận tội sau khi xem xét, phân tích đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Cao Xuân H phạm tội “Chưa mai dâm”.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 254; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Hoan từ 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Án định thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Bản thân bị cáo ốm đau phải đi điều trị mới ra viện, kinh tế khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 400.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn H, là tiền H dùng để trả tiền mua bán dâm của H và H.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy 02 chiếc vỏ bao và 02 ruột bao cao su đã qua sử dụng.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo trình bày bản thân nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Khoảng 10 giờ ngày 03-06/2017, Nguyễn Văn H và Phan Văn H đến ki ốt số 86 khu du lịch Q1, thị trấn Q huyện G do Cao Xuân H quản lý mục đích để mua dâm. H đặt vấn đề với H bố trí hai gái bán dâm để H và H mua dâm, H đồng ý và thỏa thuận với H là 200.000 đồng một lượt mua dâm. H dùng điện thoại bàn gọi Ngô Thị L là nhân viên giúp việc của ki ốt 68 và Mã Thị H là nhân viên giúp việc của ki ốt 104 thuộc khu du lịch Q1 đến, H đã bố trí cho L và H bán dâm cho H và H nhằm mục đích kiếm lời bất chính. Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày trong lúc Nguyễn Văn H và Mã Thị H, Phan Văn H và Ngô Thị L đang mua bán dâm trong phòng 101 và 103 của ki ốt 86 thì bị tổ công tác của Đoàn Công an Q phát hiện lập

biên bản bắt giữ người có hành vi phạm pháp quả tang. Do đó bị cáo đã phạm tội “Chứa mại dâm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo làm ảnh hưởng đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh, lành mạnh, đạo đức, thuần phong, mỹ tục, truyền thống văn hóa dân tộc và sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người, là mầm mống lây truyền vi rút HIV- AIDS và các bệnh xã hội khác, gây dư luận xấu trong xã hội. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ xử phạt nghiêm minh với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới giáo dục được bị cáo trở thành người công dân tốt, và góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định của Bộ luật hình sự .

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn hối cải. Bị cáo có bố được công được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến, bản thân bị cáo ốm đau mới được ra viện, kinh tế gia đình khó khăn. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: “ Người nào chứa mại dâm thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm”; Tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “ Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.

Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 để cân nhắc xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy chưa cần thiết buộc bị cáo phải tập trung cải tạo nên áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 254 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, bị phạt quản chế từ một năm đến năm năm”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo bị bệnh phải điều trị, mới được ra viện, kinh tế gia đình khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự: Tịch thu số tiền 400.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn H là tiền dùng để giao dịch bất chính sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu 02 chiếc vỏ bao cao su và 02 ruột bao cao su là tang vật của vụ án cho tiêu hủy.

Đối với Nguyễn Văn H, Phan Văn H, Mã Thị H, Ngô Thị L đã có hành vi mua bán dâm. Xét thấy hành vi trên chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, Công an huyện Giao Thủy đã xử lý bằng biện pháp hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 231 và Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Cao Xuân H phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng khoản 1 Điều 254, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội: Xử phạt bị cáo Cao Xuân Hoan 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án. (Bị cáo đã bị tạm giam tính từ ngày tạm giữ 03-6-2017 đến ngày 20-6-2017).

Giao bị cáo Cao Xuân H cho UBND thị trấn Q, huyện G, tỉnh N, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự: Tịch thu số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) đã thu giữ của Nguyễn Văn H tại biên lai thu số 05236 ngày 14-8-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu 02 chiếc vỏ bao cao su và 02 ruột bao cao su đã qua sử dụng (Được ghi chi tiết tại biên bản giao

nhận vật chứng lập ngày 14-8-2017 giữa Công an huyện Giao Thủy và Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy) cho tiêu hủy.

3. Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Cao Xuân H phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Theo quy định tại Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Ngọc Lễ